

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**
Địa chỉ: Toà nhà Số 33 đường Láng Hạ - P.Thành Công - Q. Ba Đình – TP. Hà Nội.
Số ĐT: (84-24) 3.514.5715 - Số Fax: (84-24) 3.514.5671



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**TÊN TỔ CHỨC: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
(RCC)**

Hà Nội, tháng 6 năm 2019



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT
Năm báo cáo: Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

II.

1. Thông tin khái quát

- Tên đăng ký tiếng việt: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt
- Tên đăng ký tiếng anh: Railway Construction Corporation Joint - Stock Company
- Mã chứng khoán: RCC
- Vốn điều lệ: 154.573.830.000 đồng
- Trụ sở chính: Toà nhà số 33 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
- Điện thoại: (84 - 4) 3.514.5715 Fax: (85-4) 3.514.5671
- Website: <http://congtrinhduongsat.vn>
- Logo:



- Quyết định thành lập DNNN: Số 22565QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ GTVT ngày 05/11/1973
- Quyết định chuyển đổi sang CTCP: Số 3745/QĐ-BGTVT của Bộ GTVT ngày 07/2/2004
- Giấy CNĐKKD của CTCP: Số 0103008002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp cho đăng ký lần đầu ngày 25/5/2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười sáu (16) ngày 21/7/2015 với mã số mới 3300101075 và thay đổi đăng ký lần thứ mười bảy (17) ngày 9/12/2016
- Mã số thuế: 3300101075

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là đội cầu, đường, kiến trúc, thông tin tín hiệu được thành lập theo quyết định số 2565QĐ/TC của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ngày 05/11/1973 về việc thành lập Xí nghiệp liên hợp công trình đường sắt có trụ sở tại Phường Ngọc Khánh - Quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội, Đơn vị chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/1974 với 11 công ty thành viên gồm: Cầu, Đường, Kiến trúc, Thông tin- tín hiệu, với gần 10.000 cán bộ CNVC, hoạt động trên 5 tuyến đường sắt với nhiệm vụ: Khôi phục và đảm bảo giao thông đường sắt, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền bắc và phục vụ công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

- Tháng 10 năm 1975 trụ sở công ty chuyển vào đóng tại số 131 Đường Thạch Hãn, Phường Thuận Hoà, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế để thực hiện nhiệm vụ khôi phục đường sắt thống nhất Bắc Nam.

- Ngày 20/3/2003 Bộ giao thông vận tải đã ra quyết định số 734/2003/QĐ-GTVT về việc đổi tên XNLHCT Đường sắt thành Công ty Công trình đường sắt.

- Đến tháng 7 năm 2003 do yêu cầu nhiệm vụ SXKD đơn vị chuyển trụ sở về đóng tại số 09 Đường Láng Hạ - Phường Thành Công - Quận Ba Đình - Hà Nội.

- Ngày 7/2/2004 Bộ Giao thông vận tải đã có quyết định số 3745/QĐ-BGTVT về việc Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

- Ngày 25/5/2005 Công ty Công trình đường sắt chính thức hoạt động theo công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công trình đường sắt.

- Ngày 5/8/2008 Bộ Giao thông vận tải đã có quyết định số 2396/QĐ-BGTVT về xác định lại giá trị phần góp vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty Cổ phần Công trình đường sắt và kèm theo biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động giữa Tổng công ty đường sắt Việt Nam và Công ty cổ phần Công trình đường sắt ngày 30/9/2008.

- Ngày 01 tháng 4 năm 2011 Công ty cổ phần công trình đường sắt đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (gọi tắt là Tổng công ty).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hoá đường sắt;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: thi công các công trình thông tin tín hiệu, điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đại lý dịch vụ bán vé tàu lửa;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bê tông; Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, chế biến sản phẩm gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải; Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Xuất nhập khẩu: dầu nhờn, mỡ máy, than, hạt nhựa và các sản phẩm của nhựa; Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hoá lỏng); Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua, bán hàng hoá phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông; Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm); Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
 - Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
 - Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp;
 - Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng; thủy lợi;
 - Phá dỡ;
 - Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);
 - Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình: cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật (Không bao gồm thiết kế công trình);
 - Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
 - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: thí nghiệm, kiểm nghiệm, vật liệu xây dựng; thí nghiệm. kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế các công trình giao thông; Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Các dịch vụ về kiến trúc xây dựng;
 - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Xây dựng công trình, đường ống, cấp thoát nước;
 - Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Mua bán và đại lý hàng hoá;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Chi tiết: Bốc xếp hàng hoá, hoạt động kho bãi;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- + Địa bàn kinh doanh:**
- Tổng công ty có trụ sở chính tại Số 33, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP.Hà Nội và có các công ty thành viên hoạt động trên địa bàn các tỉnh từ Bắc vào Nam
 - Hoạt động sản xuất các sản phẩm công nghiệp, xây dựng các công trình dân dụng, giao thông đường bộ và đường sắt đóng vai trò chủ đạo trong kế hoạch phát triển của Tổng công ty và cũng là sản phẩm chủ lực của Tổng công ty từ khi hình thành cho đến nay.
 - Hiện tại, Tổng công ty đang tập trung thi công các công trình: Gia cố sửa chữa Cầu Long Biên, Lắp đặt đường ray Dự án đường sắt trên cao Cát Linh – Hà Đông vv...
 - Ngoài ra RCC còn sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn bao gồm TVBT TN1, TN1P tại Hoàng Mai - Nghệ An và tại Liên Chiểu - Đà Nẵng để phục vụ cho Dự án đường sắt trên cao Cát Linh – Hà Đông và cung cấp cho các Công ty quản lý thuộc ĐSVN để duy tu bảo dưỡng tuyến đường sắt Bắc Nam.
 - Đồng thời, RCC đang tiến hành hoạt động khai thác đá và vật liệu xây dựng tại mỏ đá Hoàng

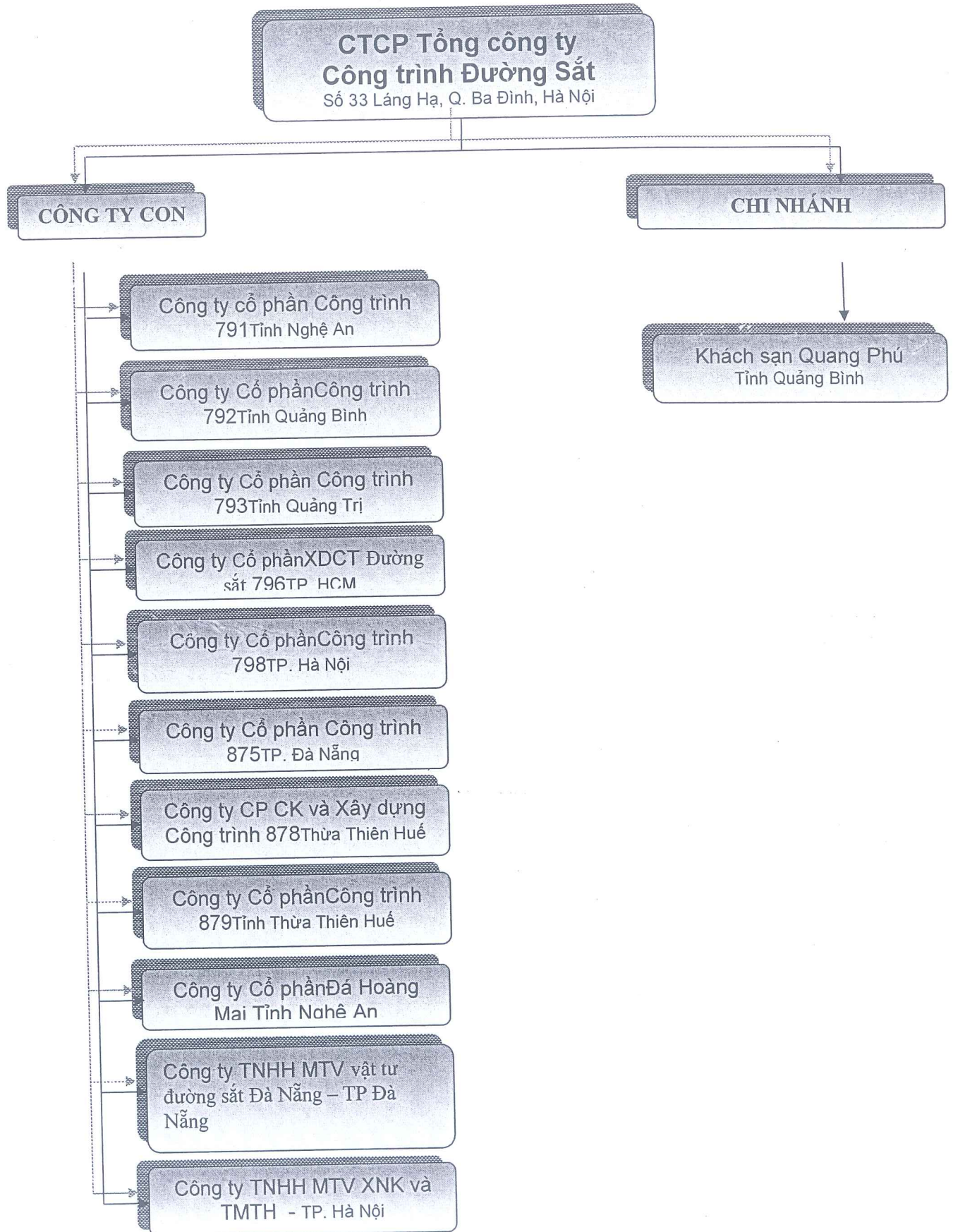
Mai với tổng diện tích trên 192.100 m²; mỏ đá Minh Cẩm tại Tuyên Hóa, Quảng Bình có diện tích 16.100 m². Lợi thế từ khai thác các mỏ đá này giúp RCC giảm thiểu được chi phí đầu vào và tăng tính chủ động cho các công trình xây dựng tại khu vực miền Trung

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

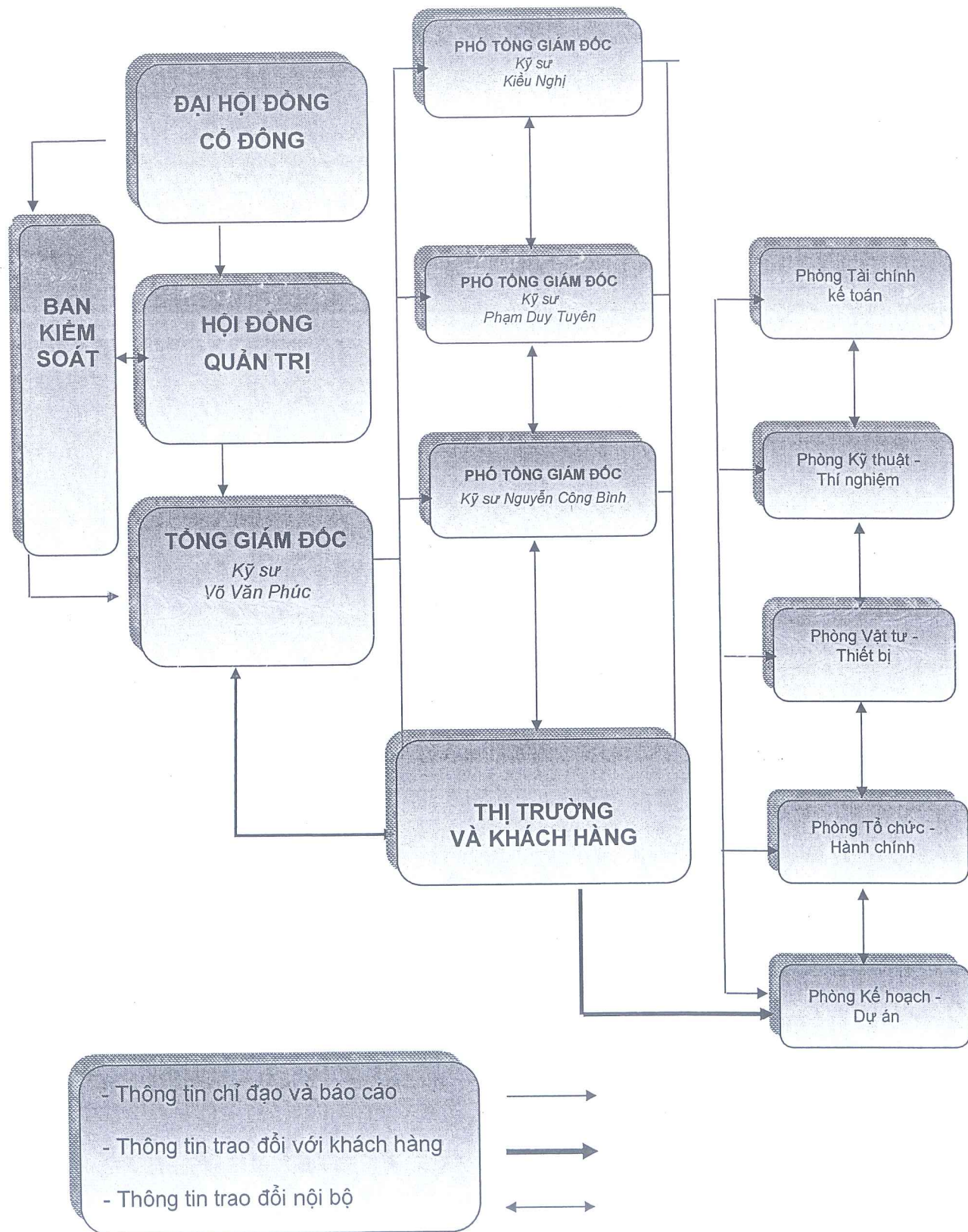
- RCC có 01 đơn vị hạch toán trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt – Xí nghiệp Khách sạn Quang Phú.
- RCC đầu tư vốn chủ sở hữu vào các công ty con, công ty cổ phần

| TT | Tên công ty | Tỷ lệ sở hữu vốn góp | Địa chỉ |
|----|---|----------------------|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Công trình 791 | 66.87% | Số 144 - Đường Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2 | Công ty Cổ phần Công trình 792 | 68.57% | Đường Hữu nghị, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình |
| 3 | Công ty Cổ phần Công trình 793 | 63.01% | Số 292 - Đường Lê Duẩn, Thị xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị |
| 4 | Công ty Cổ phần XDCT Đường sắt 796 | 97.80% | 249/1 Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh |
| 5 | Công ty Cổ phần Công trình 798 | 60.81% | Kim Nỗ, Huyện Đông Anh, TP. Hà Nội |
| 6 | Công ty Cổ phần Công trình 875 | 60,38% | Số 59 - Nguyễn Văn Cừ, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng |
| 7 | Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878 | 61.34% | Khu 6, Thị trấn Phú Bài, Huyện Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 8 | Công ty Cổ phần Công trình 879 | 67.95% | Số 20, Bảo Quốc, TP. Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế |
| 9 | Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai | 87.87% | Phường Quỳnh Thiện, TX. Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An |
| 10 | Công ty TNHH MTV VTĐS Đà Nẵng | 100% | Số 61 - Nguyễn Văn Cừ, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng |
| 11 | Công ty TNHH MTV XNK và TMTH | 100% | Số 33 - Láng Hạ, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội |

-Mô hình quản trị: RCC là công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty Mẹ - con



- Cơ cấu bộ máy quản lý:



5. Một số chỉ tiêu cơ bản đặt ra năm 2018

- * Giá trị sản lượng: Đạt trên 600 tỷ đồng
- * Doanh thu: Đạt trên 600 tỷ đồng
- * Lợi nhuận trước thuế: Đạt trên 13% vốn điều lệ
- * Thanh toán thu hồi vốn đạt trên: 650 tỷ đồng
- * Cổ tức dự kiến trên 01%
- * Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước;
- * Tìm kiếm việc làm trên 500 tỷ đồng, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động;
- * Tập trung khai thác, tận thu, huy động các nguồn vốn để phục vụ cho sản xuất một cách có hiệu quả nhất;
- * Đảm bảo an toàn lao động, an toàn chạy tàu, an toàn thiết bị, an toàn giao thông, an toàn công trình và an ninh trật tự xã hội;
- * Bổ sung, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định về quản trị doanh nghiệp cho phù hợp chính sách hiện hành và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp;
- * Kiện toàn bộ máy quản lý từ cơ quan Tổng công ty đến Công ty thành viên.

6. Các rủi ro

- Rủi ro đặc thù xây dựng giao thông

Kết quả kinh doanh thu được từ các công trình xây dựng cơ bản của RCC đều chịu ảnh hưởng của sự bất ổn định về giá cả nguyên vật liệu đầu vào, các chính sách kinh tế của Nhà nước trong việc phát triển ngành xây dựng cơ bản, khả năng phân bổ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cho các công trình xây dựng cũng như nguồn vốn chủ đầu tư và sự liên quan đến các Ban ngành khác khi thi công công trình hạ tầng.

Xây dựng công trình giao thông là một ngành mang tính đặc thù, đòi hỏi sử dụng các loại máy móc chuyên dụng, hiện đại và nguồn nhân lực dài hạn có chất lượng. Do đó, lạc hậu về công nghệ hay bất cập trong chính sách, chế độ đối với người lao động đều cũng được xem là những rủi ro đáng quan tâm của RCC. Những điều kiện khắt khe về kỹ thuật, quy trình thi công đến nghiệm thu công trình luôn được RCC áp dụng nhằm đảm bảo về chất lượng. Điều này có thể xem là một rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp xây dựng cơ bản trong cũng như ngoài nước sẽ dẫn đến sự cạnh tranh rất gay gắt. RCC sẽ phải đối mặt với rất nhiều khó khăn để giữ vững và mở rộng được thị phần, cũng như khẳng định được vị thế của Tổng công ty trong ngành.

- Rủi ro về luật pháp

Các văn bản hướng dẫn luật chưa thật sự đầy đủ, thiếu tính cập nhật dẫn đến việc áp dụng luật vào thực tế còn nhiều bất cập và cũng ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của RCC đang được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật xây dựng, Luật kinh tế, Luật Đất đai và các luật liên quan. Đồng thời, RCC cũng chịu tác động từ Luật Chứng khoán và các chính sách, chiến lược phát triển của ngành. Do đó, bất kỳ sự thay đổi nào về pháp luật hoặc chính sách liên quan đều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Tổng công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm vững các quy định của ngành Giao thông vận tải và Chính Phủ để xây dựng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (RCC) chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 25/5/2005. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết hội đồng quản trị RCC đã không ngừng nắm bắt các công nghệ thi công mới mà đặc biệt là đã thi công một số công trình áp dụng công nghệ hiện đại. Mặt khác với định hướng phát triển là đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ và hướng đến những công trình lớn của ngành đường sắt cũng như đường bộ, ngoài đảm bảo các công trình thuộc đường sắt là thị trường chính của RCC nhưng với chiến lược đúng đắn RCC hướng tới thị trường đường bộ với các dự án lớn. Trong năm 2018, RCC đã trúng thầu và đã ký kết hợp đồng xây lắp với các Chủ đầu tư trong và ngoài ngành với tổng giá trị trên 179 tỷ đồng. Các công trình thi công đều đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo chất lượng, tiến độ và được chủ đầu tư đánh giá cao.

Trong năm 2018 RCC đã thu hồi vốn được 582 tỷ đồng, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và đầu tư TSCĐ mở rộng sản xuất, làm nghĩa vụ với nhà nước và thanh toán các chế độ cho người lao động.

Quản lý tài chính theo đúng quy định của Nhà nước và quy chế của Tổng công ty; linh hoạt trong xử lý vay trả nợ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm hạ giá thành trong tất cả các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

| | | |
|-------------------------|----------|----------------------------------|
| (1). Ông Võ Văn Phúc | Chức vụ: | Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc |
| (2). Ông Phạm Duy Tuyên | Chức vụ: | Phó Tổng giám đốc |
| (3). Nguyễn Công Bình | Chức vụ: | Phó Tổng giám đốc |
| (4). Ông Kiều Nghị | Chức vụ: | Phó Tổng giám đốc |
| (5). Ông Lê Đình Sơn | Chức vụ: | Trưởng phòng Tài chính – Kế toán |

Tóm tắt lý lịch cá nhân trong Ban điều hành

(1) Võ Văn Phúc - Tổng giám đốc

Ngày sinh: 06/01/1966 Nơi sinh: Quảng Ngãi

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Số CMND: 191297497 Ngày cấp: 17/6/2016 Tại: CA Tỉnh Thừa Thiên Huế

Hộ khẩu thường trú: Số 145 Thạch Hãn - Phường Thuận Hoà – TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Chỗ ở hiện nay: Số 145 Thạch Hãn - Phường Thuận Hoà – TP. Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm - Đại học giao thông vận tải

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

| Tháng, năm | Học hoặc làm việc gì | Ở đâu |
|-------------|--|--------------------------------|
| 1986 - 1988 | Kỹ thuật viên XNCT 798 | Nam Lý - Đồng Hới - Quảng Bình |
| 1989 - 1998 | Kỹ thuật viên Phòng Kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS | 131 Thạch Hãn – Thừa Thiên Huế |

| | | |
|---------------------|--|---|
| 1998 - 2000 | Phó phòng Phòng Kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS | 131 Thạch Hãn – Thừa Thiên Huế |
| 2000 - 2001 | Phó giám đốc XNCT 878 | Hương Thủy - Phú Bài - Thừa Thiên Huế |
| 2001 - 2005 | Giám đốc XNCT 878 | Hương Thủy - Phú Bài - Thừa Thiên Huế |
| 2005 – 2008 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc XNCT 793 | Lê Duẩn - Đông Hà - Quảng Trị |
| 2008 – T3 /2010 | Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc XN 793 | Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội Lê Duẩn - Đông Hà - Quảng Trị |
| T3/2010 – T11/2016 | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 131 Thạch Hãn – Thuận Hoà – TP Huế |
| T12/2016 – 7/5/2017 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty | Số 33 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội |

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): UVHĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng và đô thị đường sắt

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại RCC (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018): 7.475.084 cổ phần, chiếm 48.36 % vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 49.573 cổ phần, chiếm 0.32 % vốn điều lệ

(2) Phạm Duy Tuyên - Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 30/09/1959 **Nơi sinh:** Hà Nam

Quốc tịch: Việt Nam **Dân tộc:** Kinh **Tôn giáo:** Không

Số CMND: 191113244 **Ngày cấp:** 13/3/2010 **Tại:** Thừa Thiên Huế

Hộ khẩu thường trú: Phòng 404 chung cư 35 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Chỗ ở hiện nay: 95F, ngõ 358 đường Bùi Xương Trạch, Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu hầm - Đại học Giao thông vận tải

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

| Tháng, năm | Học hoặc làm việc gì | Ở đâu |
|--------------------|--|--|
| 1990 - 1995 | Cán bộ kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS | Thạch Hãn - Thuận Hoà - TT Huế |
| 1995 - 1997 | Phó giám đốc XNCT 791 - XNLHCT Đường sắt | Thạch Hãn - Thuận Hoà - TT Huế |
| 1997 - 2000 | Cán bộ kỹ thuật Cơ quan XNLHCT ĐS | Thạch Hãn - Thuận Hoà - TT Huế |
| 2000 - 2003 | Phó phòng Kỹ thuật công nghệ | Thạch Hãn - Thuận Hoà - TT Huế |
| 2003-2005 | Trưởng phòng Kỹ thuật CN | Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội |
| 2005 – T2/2010 | Thành viên Ban KS kiêm Trưởng Phòng KTCN | Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội |
| T3/2010 – 31/12/10 | Phó TGD kiêm Trưởng Phòng KTCN | Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội |
| T1/2011- nay | Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty | Số 09 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội (nay là 33 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội) |

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại RCC (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018): 9.849 cổ phần, chiếm 0.063 % vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 9.849 cổ phần, chiếm 0.063 % vốn điều lệ

(3) Nguyễn Công Bình - Phó Tổng giám đốc

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1964
- CMND : 0205068415 ngày 24/12/2008 tại TP.HCM
- Nơi sinh : Bình Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 249/1 Tổ 4 khu phố 2 – P. Tân Thới Hiệp – Q12 – TP. HCM
- Số điện thoại cơ quan : (84.8)3.717.2075
- Trình độ học vấn : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư XD cầu hầm - Đại học GTVT
- **Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):**

| Tháng, năm | Học hoặc làm việc gì | Ở đâu |
|-------------------|--|------------------------------|
| 1985 - 1986 | CB Kỹ thuật thi công cầu đội cầu 791 – Xí nghiệp LHCTĐS | Vinh – Nghệ An |
| 1986 - 1997 | CB kỹ thuật thi công cầu XNCT 875 - XNLHCTĐS (1995-1998 Đại học Giao thông vận tải) | Liên Chiểu – Đà Nẵng |
| 1997 - 1999 | Phó giám đốc kỹ thuật – XNCT 875 – XN LHCT Đường sắt | Liên Chiểu – Đà Nẵng |
| 1999 - 2002 | Phó giám đốc kỹ thuật – XNCT 796 – Cty CPCT đường sắt | Quận 12 – TP. Hồ Chí Minh |
| 2002 - 2009 | Giám đốc XNCT 796 | Quận 12 – TP. Hồ Chí Minh |
| 2009 – T6/2014 | Phó Tổng giám đốc kiêm giám đốc Cty TNHH MTV XDCT 796 | Quận 12 – TP. Hồ Chí Minh |
| T6/2014 – T6/2018 | Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty | Quận 12 – TP. Hồ Chí Minh |
| T6/2018 – Nay | Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Công ty CP Công trình 875 | Quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng |

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại RCC (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018): 21.780 cổ phần, chiếm 0.14 % vốn điều lệ:

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0. % vốn điều lệ

(4) Kiều Nghị - Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 12/03/1969

Nơi sinh: Hà Tây (Hà Nội)

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Số CMND: 191761762

Ngày cấp: 9/10/2007

Tại: Thừa Thiên Huế

Hộ khẩu thường trú: Tổ 15 – khu vực 5 - Phường An Cựu – TP Huế

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15 – khu vực 5 - Phường An Cựu – TP Huế

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đường sắt - đại học Giao thông vận tải Hà Nội.

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

| Tháng, năm | Học hoặc làm việc gì | Ở đâu |
|---------------|---|------------------------|
| 1987 - 1991 | Công nhân kích kéo - Xí Nghiệp LHCTĐS | Bảo Quốc – TT Huế |
| 1991 - 1994 | Học trung cấp GTVT | Quảng Nam – Đà Nẵng |
| 1994 - 2000 | Kỹ thuật viên XN VTXD 879 - XNLHCTĐS | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2000 – 2002 | Phó Phòng kỹ thuật – XN VTXD 879 - XNLHCTĐS | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2002 – 2005 | Phó giám đốc – XN VTXD 879 - Công ty công trình đường sắt. | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2005- 2006 | Quyền giám đốc – XN VTXD 879 - Công ty CP công trình đường sắt. | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2006-2009 | Giám đốc – XN VTXD 879 – Công ty Cổ phần Công trình đường sắt | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2009- 2012 | Đại học GTVT | Đà Nẵng |
| 2011-2013 | Chủ tịch HĐTV - Giám đốc – Công ty TNHH MTV CT 879 - Công ty CP TCT Công trình đường sắt | Bảo Quốc – TT Huế |
| 2013-T6/2014 | Phó Tổng giám đốc Công ty CP TCT công trình đường sắt kiêm Chủ tịch HĐTV - Giám đốc – Công ty TNHH MTV CT 879 - Công ty CP TCT Công trình đường sắt | Bảo Quốc – TT Huế |
| T6/2014 - nay | Phó Tổng giám đốc Công ty CP TCT Công trình đường sắt | 131 Thạch Hãn – TT Huế |

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại RCC (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018): 20.061 cổ phần, chiếm 0.129 % vốn điều lệ:

| | | |
|--------------------|----------------------|--------------------|
| + Đại diện sở hữu: | cổ phần, chiếm | 0 % vốn điều lệ |
| + Cá nhân sở hữu: | 2.061 cổ phần, chiếm | 0.13 % vốn điều lệ |

(5) Lê Đình Sơn - Trưởng phòng Tài chính – kế toán

Ngày sinh: 26/10/1980

Nơi sinh: Văn Sơn - Đông Lương-Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

Số CMND: 013132030

Ngày cấp: 20/11/2008

Tại: Hà Nội

Hộ khẩu thường trú: D308 - Nhà C1 - KTT Thành Công - Quận Ba Đình

Chỗ ở hiện nay: P 2804 – Tòa nhà Vinata ToWer – số 289 Khuất Duy Tiến – TH Hà Nội

Nơi làm việc: Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Chức vụ: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty

Đoàn thể tham gia (Đảng viên, Đoàn viên): Đảng viên

Trình độ văn hóa: Đại học

Trình độ chuyên môn: Kế toán doanh nghiệp

Quá trình học tập và làm việc (từ sau khi tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đến nay):

| Tháng, năm | Học hoặc làm việc gì | Ở đâu |
|-------------------|---|--|
| T8/1999 – T8/2003 | Học tại trường Đại học Tài chính kế toán. | Đông Ngọc – Từ Liêm – Hà Nội |
| T8/2003 – đến nay | Làm việc tại Công ty CP Tổng công ty Công trình đường sắt | Số 33 Láng Hạ - phường Thành Công – Quận Ba Đình – TP Hà Nội |

Chức vụ hiện tại (nêu rõ tại các tổ chức khác): Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Số cổ phần sở hữu tại RCC (tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018): 20.061 cổ phần, chiếm 0.129 % vốn điều lệ:

| | | | |
|--------------------|----|----------------|----------------------|
| + Đại diện sở hữu: | 0 | cổ phần, chiếm | 0 % vốn điều lệ |
| + Cá nhân sở hữu: | 60 | cổ phần, chiếm | 0.0004 % vốn điều lệ |

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 26/04/2018: Miễn nhiệm Ông Võ Văn Phúc giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt nhiệm kỳ 2015 – 2019;

+ Ngày 26/4/2017: Miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt. Ngày 05/07/2018 chấm dứt hợp đồng lao động;

+ Ngày 26/04/2018: Miễn nhiệm Ông Nguyễn Hữu Điềm – Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt. Ngày 01/02/2019 nghỉ hưu;

+ Ngày 02/06/2018: Miễn nhiệm Ông Nguyễn Đức Bình – Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt;

+ Ngày 03/07/2018: Chấm dứt hợp đồng lao động Ông Lê Minh Tinh giữ chức Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt;

+ Ngày 01/07/2018: Bổ nhiệm Bà Trương Thị Thanh Hương – giữ chức Phó trưởng phòng Tài chính – kế toán Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt;

+ Ngày 01/07/2019: Bổ nhiệm ông Lê Đình Sơm – giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính – kế toán Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt.

Chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ, công nhân viên

Tổng số CBCNV của RCC đến ngày 31/12/2018 là 782 người, trong đó phân loại:

Theo trình độ học vấn

| | |
|---|-----|
| Trên Đại học | 7 |
| Đại học | 211 |
| Cao đẳng, Trung cấp | 59 |
| Công nhân kỹ thuật và lao động chưa qua đào tạo | 505 |
| - Công nhân kỹ thuật | 432 |
| - Lao động chưa qua đào tạo | 73 |

- Mức lương bình quân năm 2018: 7.610.000 đ/người/tháng

RCC luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu và mang tính quyết định đối với sự phát triển bền vững của RCC. Vì vậy, RCC đã không ngừng tăng cường và cải thiện chất lượng cũng như số lượng nguồn nhân lực để đáp ứng những yêu cầu nhân sự trong quá trình hoạt động và phát triển.

- Chính sách đối với người lao động

> Chính sách đào tạo

Người lao động của RCC đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân. Đối với cấp quản lý, RCC cử cán bộ tham gia các lớp học của Tổng công ty đường sắt Việt Nam, các cơ quan Nhà nước... nhằm nâng cao nghiệp vụ và nắm bắt các chế độ chính sách mới của Nhà nước. RCC đã xây dựng tổ chức quản lý và hoạt động theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Đối với công nhân mới tuyển dụng đã qua trường lớp cơ bản, hàng năm RCC có gửi đi đào tạo lại để nắm bắt kỹ thuật mới.

Đối với cán bộ quản lý, RCC có những chính sách sau:

- Thực hiện quy hoạch cán bộ nguồn và dài hạn;
- Ưu tiên đào tạo nâng cao lớp cán bộ trẻ để thay thế dần số cán bộ cao tuổi;
- Có chính sách ưu tiên những sinh viên đại học tốt nghiệp đạt loại khá giỏi khi vào Công ty làm việc;
- Hàng năm gửi các cán bộ đi học để chuẩn hoá cán bộ;
- Gửi đào tạo một số cán bộ nguồn có trình độ thạc sĩ trở lên.

> Chế độ khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của RCC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và năng suất lao động của mỗi CBCNV cho mỗi sản phẩm hoặc kết quả từng công đoạn sản phẩm, công trình. Về quy định chung, RCC có các chế độ cơ bản như sau:

- Một năm, nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương;
- Ngoài ra, hàng tháng nhân viên còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích thực sự xuất sắc trong năm, thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho doanh nghiệp;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty.

> Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả Người lao động của RCC đều được đóng Bảo hiểm xã hội và hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Bên cạnh đó, nhân viên của Công ty còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp lưu động, phụ cấp trách nhiệm chuyên môn...

> Sinh hoạt đoàn thể và các chính sách khác

Tại RCC, các tổ chức như Công đoàn, Đảng ủy và Đoàn thanh niên tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và có quy chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức đoàn thể và chuyên môn. RCC thường xuyên tổ chức các hoạt động sinh hoạt đoàn thể nhằm tạo không khí vui tươi, thân thiện cho toàn thể Người lao động.

Hàng năm, thực hiện chế độ nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức cho một số Người lao động và tổ chức khám bệnh định kỳ.

RCC đặc biệt chú trọng tổ chức các hoạt động cứu trợ xã hội, từ thiện, nuôi dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng... Qua đó xây dựng tinh thần hỗ trợ, đùm bọc trong tập thể nhân viên RCC với nhau và với xã hội.

3. Tình hình đầu tư

Trong năm 2018, Tổng công ty đã đầu tư mua sắm 02 đầu thiết bị, phương tiện thi công với giá trị 289 triệu đồng.

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % Tăng(+), giảm (-) |
|-----------------------------------|-------------------|------------------|------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1,061,155,041,765 | 873,303,148,846 | -0.18 |
| Doanh thu thuần | 563,237,830,919 | 438,900,410,288 | -0.22 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -12,931,682,032 | -111,263,759,313 | 8.60 |
| Lợi nhuận khác | -1,399,042,780 | 1,143,322,952 | 1.82 |
| Lợi nhuận trước thuế | -14,330,724,812 | -110,120,436,361 | 7.68 |
| Lợi nhuận sau thuế | -18,537,413,024 | -110,605,500,696 | 5.97 |
| Tỷ lệ trả cổ tức | | | |

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Ghi chú |
|----------|---|----------|----------|---------|
| 1 | Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| - | Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,18 | 1.08 | |
| | TSLĐ/Nợ ngắn hạn | | | |
| - | Hệ số thanh toán nhanh | 0,50 | 0.43 | |
| | (TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | | | |
| 2 | Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| | Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 0,62 | 0.67 | |
| | Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu | 1,63 | 2.03 | |
| 3 | Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - | Vòng quay hàng tồn kho | | | |
| | Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 1,255 | 1.191 | |
| - | Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | 0,531 | 0.503 | |
| 4 | Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | -0,033 | -0.252 | |
| - | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | -0,046 | -0.384 | |
| | Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | -0,017 | -0.127 | |
| | Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần | -0,023 | -0.254 | |

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a, Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 15.457.383 cổ phần (tương đương 154.573.830.000VNĐ)
- Cổ phần đang lưu hành: Là loại cổ phần phổ thông.
- Cơ cấu cổ đông: Trong năm 2018 Nhà nước thoái hết vốn 48,04% tại Công ty. Vạy tại thời điểm 31/12/2018 cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

| STT | Cổ đông | 31/12/2018 | | |
|---|---------------------------------|------------------------|---------------------|------------------|
| | | Tổng số vốn đã góp | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ vốn góp |
| | | VND | | % |
| Cổ đông là thành viên HĐQT và Ban kiểm | | 43,923,170,000 | 4,392,317 | 28.42% |
| 1 | Ông Nguyễn Thanh Huyền | 11,946,590,000 | 1,194,659 | 7.73% |
| 2 | Ông Tạ Hữu Diễn | 29,271,030,000 | 2,927,103 | 18.94% |
| 3 | Ông Võ Văn Phúc | 495,730,000 | 49,573 | 0.32% |
| 4 | Ông Kiều Nghị | 206,100,000 | 20,610 | 0.13% |
| 5 | Ông Phan Quốc Hiếu | 2,000,000,000 | 200,000 | 1.29% |
| 6 | Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | 3,090,000 | 309 | 0.00% |
| 7 | Bà Võ Thị Kim Dung | 630,000 | 63 | 0.00% |
| Các cổ đông khác | | 110,650,660,000 | 11,065,066 | 71.58% |
| 1 | Ông Chu Quang Vũ | 13,500,000,000 | 1,350,000 | 8.73% |
| 2 | Ông Đậu Hoàng Việt | 13,500,000,000 | 1,350,000 | 8.73% |
| 3 | CTCP Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội | 23,000,000,000 | 2,300,000 | 14.88% |
| 4 | Các Cổ đông khác | 60,650,660,000 | 6,065,066 | 39.24% |
| Cộng | | 154,573,830,000 | 15,457,383 | 100.00% |

c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2018 RCC không phát hành cổ phiếu.

d, Giao dịch cổ phiếu quỹ

Hiện tại, RCC không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch nào.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2018 vẫn là năm khó khăn của các doanh nghiệp xây dựng cơ bản, Công ty không nằm ngoài các doanh nghiệp xây dựng cơ bản và Công ty trong tình hình thiếu việc làm, các công trình đã thi công hoàn thành vẫn chưa được bố trí vốn thanh toán. Một số công trình Công ty thi công tạm dừng đồng thời phải chờ giải phòng mặt bằng. Các hợp đồng thi công trong năm chủ yếu là làm thầu phụ. Doanh thu và thu nhập đạt 453,4 tỷ đồng so với kế hoạch đạt 75,57%; so với năm 2017 đạt 79,68%. Thu hồi vốn đạt 582 tỷ đồng đạt 89,54% so với kế hoạch đề ra. Thu nhập bình quân đầu người/tháng là: 7.610.000 đồng đạt 108,71% so với kế hoạch đề ra. Chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đối với người lao động, đã đóng nộp kịp thời, không để xảy ra tình trạng nợ đọng tiền bảo hiểm (100% người lao động được đóng nộp bảo hiểm). Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất lỗ 110,605 tỷ đồng. Do thiếu việc làm trên diện rộng trong toàn Tổng công ty, các hợp đồng chủ yếu là thầu phụ nên chỉ giải quyết được chế độ tiền lương cho người lao động và bù đắp chi phí, một số công trình lỗ. Mặt khác một số công trình, hạng mục công trình thi công trước năm 2018 bị Chủ đầu tư cắt giảm giá trị quyết toán và một số công trình, hạng mục công trình do thi công chậm tiến độ. Dẫn đến Công ty mẹ và Các công ty thành viên không đạt được chỉ tiêu về lợi nhuận theo kế hoạch của năm 2018, trong đó có 02 Công ty con có số lỗ lớn đó là Công ty Cổ phần XDCT đường sắt 796 (-20.013 tỷ đồng); Công ty Cổ phần CK và XD Công trình 878 (-33,862 tỷ đồng)...

- Những việc Tổng công ty đã đạt được:

* Về đời sống xã hội: Thường xuyên chăm lo điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, duy trì đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động ở hiện trường thi công tại các công trình.

Chi trả lương và các khoản thu nhập khác cho người lao động đầy đủ, đúng chế độ chính sách.

* Công tác Kế hoạch sản xuất – kinh doanh:

Luôn chủ động tiếp cận và tìm kiếm việc làm, tập trung giải quyết những vấn đề cốt lõi theo từng thời điểm kinh tế, từng bước vận dụng và huy động đúng nguồn vốn phục vụ SXKD mang lại hiệu quả nhất như là; tập trung sản xuất tà vẹt bê tông, dầm thép và các sản phẩm công nghiệp khác để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời triển khai thi công nhanh những công trình có bố trí đủ vốn, quan tâm đến công tác lập hồ sơ thanh toán để thu vốn kịp thời. RCC luôn đảm bảo vay Ngân hàng ở mức hợp lý để giảm chi phí tài chính.

* Công tác kỹ thuật, công nghệ, chất lượng:

+ Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Các công trình, sản phẩm đều đảm bảo chất lượng, tiến độ và được chủ đầu tư ghi nhận;

+ Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ mới trong xây lắp và sản xuất sản phẩm công nghiệp như: công nghệ sản xuất tà vẹt bê tông cốt thép dự ứng lực dùng cho ghi đường sắt.

* Công tác vật tư - thiết bị:

+ Tổng công ty có quy chế quản lý khai thác, sửa chữa và duy tu thiết bị trong nội bộ một cách khoa học, phù hợp với thực tế của RCC. Điều động, điều chuyển kịp thời thiết bị, phương tiện thi công công trình. Thường xuyên kịp thời theo dõi, kiểm tra, sửa chữa thiết bị nâng cao hiệu quả sử dụng.

+ Chỉ đạo và tổ chức thường xuyên công tác kiểm kê vật tư sắt thép tồn kho ở các kho để có kế hoạch sử dụng hiệu quả tránh tồn đọng vốn.

* Công tác Tài chính kế toán:

Thực hiện hạch toán kế toán đúng chế độ và phản ánh chính xác các chỉ tiêu kinh tế, báo cáo kịp thời để Lãnh đạo Tổng công ty có những quyết sách đúng đắn. Giải quyết kịp thời vốn đầu tư cho các dự án, mua vật tư, nguyên vật liệu..

Hoàn thành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và được cơ quan kiểm toán chấp nhận toàn phần.

2. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài sản:

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 563,428,802,352 | 711,476,602,778 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1 | 23,756,464,317 | 20,824,205,510 |
| 1. Tiền | 111 | | 21,976,571,673 | 13,294,374,994 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1,779,892,644 | 7,529,830,516 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 395,999,474 | 247,955,670 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 395,999,474 | 247,955,670 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 167,597,897,106 | 249,865,919,079 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 2a | 151,196,228,533 | 205,747,826,657 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 16,500,673,929 | 28,734,730,445 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 3 | 18,365,184,844 | 21,116,152,553 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (19,808,230,372) | (5,732,790,576) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 1,344,040,172 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 339,894,192,841 | 410,673,824,458 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 4 | 339,894,192,841 | 410,673,824,458 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 31,784,248,614 | 29,864,698,061 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5 | 1,363,716,433 | 1,311,547,954 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 29,681,536,095 | 27,932,685,097 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 6 | 738,996,086 | 620,465,010 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 309,874,346,494 | 349,678,438,987 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 5,218,890,552 | 2,639,059,940 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 2b | 39,799,497 | 39,799,497 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 218 | 7 | 8,701,820,530 | 6,121,989,918 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | (3,522,729,475) | (3,522,729,475) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 281,542,065,667 | 304,140,327,815 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 276,121,978,481 | 298,534,096,761 |
| - Nguyên giá | 222 | | 560,129,225,621 | 557,981,681,499 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 223 | | (284,007,247,140) | (259,447,584,738) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 5,420,087,186 | 5,606,231,054 |
| - Nguyên giá | 228 | | 6,285,812,900 | 6,285,812,900 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 229 | | (865,725,714) | (679,581,846) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 10 | 3,573,812,914 | 3,670,402,450 |
| - Nguyên giá | 231 | | 5,686,065,091 | 5,686,065,091 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 232 | | (2,112,252,177) | (2,015,662,641) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 5,801,277,990 | 5,259,387,848 |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 11 | 2,953,781,750 | 2,953,781,750 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 12 | 2,847,496,240 | 2,305,606,098 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 13 | 100,000,000 | 17,600,000,000 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | 17,500,000,000 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 100,000,000 | 100,000,000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 13,638,299,371 | 16,369,260,934 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14 | 13,544,578,371 | 16,271,297,434 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 93,721,000 | 97,963,500 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 873,303,148,846 | 1,061,155,041,765 |

Năm 2018 là năm tiếp tục gặp khó khăn về công tác tìm kiếm việc làm mới đối với Tổng công ty, và một số công trình đã thi công hoàn thành vẫn chưa được bố trí vốn để thanh toán. Với những

nguyên nhân nêu trên mà đặt biệt là chỉ tiêu về tìm kiếm việc làm không đạt kế hoạch đề ra . Điều này đã ảnh hưởng đến toàn bộ các chỉ tiêu trên Tổng tài sản của Bảng cân đối kế toán, Tổng tài sản của RCC cuối năm 201 giảm 18% so với cuối năm 2017.

Cụ thể:

- Chỉ tiêu: Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 33% là do Công ty quyết liệt trong vấn đề thu hồi vốn và việc thu hồi vốn là của các công trình dự án năm 2016 và 2017 chưa thu được chuyển sang 2018 thu.

- Chỉ tiêu: Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn giảm 99% là do Công ty đã bán hết phần vốn đầu tư tại Công ty liên doanh, liên kết trong năm 2018.

b, Tình hình nợ phải trả

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 584,968,615,496 | 657,690,139,799 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 522,876,200,908 | 602,855,104,495 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 137,421,897,220 | 166,482,136,081 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 53,549,070,329 | 79,710,143,945 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 10,218,523,662 | 12,968,444,856 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 12,343,028,036 | 18,661,059,854 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 6,623,992,948 | 2,569,010,566 |
| 6. Phải trả khác ngắn hạn | 319 | 18 | 48,099,858,259 | 43,521,765,640 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 253,175,553,661 | 274,222,874,863 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1,444,276,793 | 4,719,668,690 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 62,092,414,588 | 54,835,035,304 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 20,363,639,576 | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 21 | 1,340,000,000 | 3,010,804,840 |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 22 | 40,388,775,012 | 51,824,230,464 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 288,334,533,350 | 403,464,901,966 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 288,334,533,350 | 403,464,901,966 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 154,573,830,000 | 154,573,830,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 154,573,830,000 | 154,573,830,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 25,766,666,079 | 25,766,666,079 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1,296,421,018 | 1,296,421,018 |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 137,815,964,647 | 137,775,057,244 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (104,191,615,755) | (14,365,083,483) |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (17,560,489,030) | 0 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421a | | (86,631,126,725) | (14,365,083,483) |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 73,073,267,361 | 98,418,011,108 |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 873,303,148,846 | 1,061,155,041,765 |

Năm 2018, Nợ phải trả tại ngày 31/12/2108 là 584,968 tỷ đồng, giảm 11% so với năm 2017.

Cụ thể:

- Chỉ tiêu: Phải trả người bán ngắn hạn giảm 17% do trong năm Công ty đã tập trung thu vốn và thanh toán cho một số khách hàng.

- Chỉ tiêu: Người mua trả trước ngắn hạn giảm 33% là do trong năm Công ty không tìm kiếm được việc làm mới nên không được ứng trước vốn từ các Dự án, công trình trúng thầu.

- Chỉ tiêu: Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước giảm 21% là do Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với Nhà nước đúng chế độ chính sách và một phần do Lợi nhuận giảm dẫn đến Thuế TNDN và thuế GTGT đầu ra phải nộp cũng giảm.

- Chỉ tiêu: Phải trả người lao động giảm 34% là do trong năm 2018 Công ty thực hiện sắp xếp và cơ cấu lại tổ chức, giảm biên chế gián tiếp.

- Chỉ tiêu: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 8% là do Công ty thu được vốn các công trình về trả nợ, đồng thời không có công trình mới để thi công nên không vay vốn ngân hàng để mua vật tư, trả tiền nhân công,...

- Chỉ tiêu: Vốn chủ sở hữu giảm 29% là do năm 2018 hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, RCC bổ sung, sửa đổi và ban hành các Quy chế, quy định như sau:

- Quy chế trả lương;

- Quy chế quản lý cán bộ và lao động;

- Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác;

- Quy chế tuyên truyền, quảng bá;

- Quy chế quản lý sử dụng công nhân lao động giỏi;

- Hoàn thành Bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty để trình Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2019;

- Hoàn thành bổ sung, sửa đổi các quy chế: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế sử dụng Quỹ phúc lợi, khen thưởng và đầu tư phát triển; Quy chế sử dụng quỹ tìm kiếm việc làm; Quy chế bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Tổng công ty và Công ty thành viên.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục ổn định bộ máy lãnh đạo Tổng công ty: Hội đồng quản trị, Ban điều hành, bộ phận quản lý cơ quan Tổng công ty và Công ty thành viên đảm bảo tinh, gọn hoạt động có hiệu quả.

Năm 2019 mặc dầu còn rất nhiều khó khăn, trước mắt và lâu dài, song với năng lực sẵn có và sự đoàn kết, thống nhất cao nhằm đưa Tổng công ty vươn lên và ổn định để phát triển. Chính vì vậy, công tác tìm kiếm việc làm được đặt ra là mục tiêu hàng đầu của Tổng công ty, Ban điều hành Tổng công ty không ngừng tiếp cận với các chủ đầu tư, ban QLDA, tìm hiểu các thông tin đầu tư, thông tin về nguồn vốn cho các dự án để tham gia dự thầu, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặt ra mục tiêu phấn đấu tìm kiếm việc làm trên 450 tỷ đồng và đảm bảo đủ việc làm cho người lao động; Giá trị sản lượng năm 2019 phấn đấu đạt trên 468 tỷ đồng, trong đó giá trị xây lắp là 373 tỷ đồng, công nghiệp, dịch vụ là 95 tỷ đồng, Doanh thu năm 2019 từ 400-450 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế từ 3 đến 5% doanh thu.

Thực hiện đầy đủ chế độ với người lao động, trả thu nhập bình quân cho người lao động 8,5 đến 9,5 triệu đồng/người/ tháng trở lên. Thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách đối với người lao động.

Phấn đấu đảm bảo an toàn về mọi mặt, chú trọng bảo đảm an toàn lao động, an toàn công trình, an toàn giao thông, an toàn chạy tàu, an toàn cháy nổ và an ninh trật tự xã hội.

Liên tục và không ngừng cải tiến quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tích cực tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, thương hiệu, hoạt động của Tổng công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng, các ấn phẩm do Tổng công ty phát hành.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư XDCB của ngành giao thông nói chung của Tổng công ty ĐSVN nói riêng rất hạn chế, cơ hội việc làm của Công ty bị ảnh hưởng.

- Các hợp đồng thi công trong năm chủ yếu là làm thầu phụ nên lợi nhuận thấp, có công trình bị lỗ.

- Một số công trình thi công đã hoàn thành nhưng chủ đầu tư còn nợ chưa thanh toán ảnh hưởng đến vốn hoạt động kinh doanh và làm tăng chi phí lãi vay (gói thầu số 8 - dự án đường sắt Lim - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, thi công đặt ray đường sắt đô thị Cát Linh-Hà Đông, ...).

- Công ty không đủ tiềm lực tài chính để tham gia thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT hoặc PPP.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – đời sống xã hội

- Tổng giá trị sản lượng năm 2018 đạt 429,3 tỷ đồng, đạt 71,6% kế hoạch năm
- Thu hồi vốn đạt 582 tỷ đồng, đạt 123,5% kế hoạch năm
- Doanh thu đạt 569,055 tỷ đồng, đạt 78,54% kế hoạch năm
- Lợi nhuận trước thuế -110,120 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế - 110,605 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ -86,631 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát -23,974 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động đạt 7.610.000 đồng/ người/ tháng, bằng 108,71% so với chỉ tiêu. Chi trả đầy đủ theo đúng quy định các khoản cho người lao động
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước
- Đầu tư trong năm là 289 triệu đồng

Tổ chức, lao động:

- + Bổ nhiệm 05 trưởng phòng, 01 phó phòng, cử lại 01 Trưởng ban quản lý chất lượng;
- + Cử lại người đại diện theo uỷ quyền phần vốn của Tổng công ty tại các Công ty: 791,792,793,796,875,878 và Đá Hoàng Mai;
- + Phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy CBCNLD trong toàn Tổng công ty;
- + Phối hợp kiểm tra công tác lao động, tiền lương thực hiện chế độ chính sách tại các Công ty thành viên;
- + Soạn thảo, sửa đổi, bổ sung các Quy chế.

Những việc chưa làm được

- Công tác tìm kiếm việc làm không đạt được so với chỉ tiêu đề ra, khối lượng chuyển tiếp sang năm 2019 thấp và hiện nay một số đơn vị thiếu việc làm cho người lao động. Đồng thời cũng làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành chỉ tiêu sản lượng và doanh thu trong năm;
- Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 kết quả doanh thu, lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra;
- Công tác tổ chức bố trí lao động còn chưa phù hợp dẫn đến bộ máy quản lý hoạt động chưa cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2018, Ông Tổng giám đốc đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo Điều lệ quy định. Mặc dù vốn phục vụ sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên tập thể Ban Tổng giám đốc đã tranh thủ huy động những nguồn vốn nhân rồi và đã nỗ lực để chỉ đạo điều hành Tổng công ty đáp ứng vốn cho sản xuất kinh, đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ kế hoạch các chỉ tiêu đề ra, chi trả nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, đảm bảo thu nhập và chế độ của người lao động, vv....

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Giá trị sản lượng năm 2019 phấn đấu đạt trên 468 tỷ đồng
- Trong đó: + Xây lắp 373 tỷ đồng
- + CN, dịch vụ 95 tỷ đồng
- Thanh toán thu hồi vốn trên 742 tỷ đồng

- Tìm kiếm việc làm: phần đầu tìm kiếm việc làm trên 450 tỷ đồng, đảm bảo đủ việc làm cho người lao động
- Thu nhập bình quân của người lao động 8,5 đến 9,5 triệu đồng/người/ tháng. Thực hiện đúng, đủ chế độ chính sách đối với người lao động
- Doanh thu năm 2019 từ 400 đến 450 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế từ 3 đến 5% doanh thu
- Đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn công trình
- Công tác tổ chức
- Sắp xếp lại cán bộ lãnh đạo quản lý từ Tổng công ty đến các công ty thành viên;
- Sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định quản trị doanh nghiệp cho phù hợp chế độ chính sách hiện hành và yêu cầu quản lý;

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a, Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

* Thời gian từ 01/01/2018 đến 26/04/2018:

Thành viên: Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 5 thành viên, trong đó có 05 thành viên tham gia điều hành và không có thành viên không tham gia điều hành. Cụ thể như sau:

* Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành:

1. Ông Võ Văn Phúc – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
2. Ông Nguyễn Hữu Diễm – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Kiều Nghị – Thành viên Hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc
5. Ông Bùi Quang Lượng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Chủ tịch Công đoàn

* Thành viên hội đồng quản trị không tham gia điều hành: không

* Thời gian từ 26/04/2018 đến 31/12/2018:

* Thành viên Hội đồng quản trị tham gia điều hành:

1. Ông Nguyễn Thanh Huyền – Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Ông Tạ Hữu Diễm – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
3. Ông Võ Văn Phúc – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
4. Ông Phan Quốc Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông Kiều Nghị – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

* Thành viên hội đồng quản trị không tham gia điều hành: không

b, Cơ cấu Hội đồng quản trị

| TT | Hội đồng quản trị | Chức danh | Cá nhân | Tỷ lệ |
|----|--------------------|-------------------|------------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Nguyễn Thanh Huyền | Chủ tịch HĐQT | 1,194,659 | 7.73% |
| 2 | Tạ Hữu Diễn | Phó Chủ tịch HĐQT | 2,927,103 | 18.94% |
| 3 | Võ Văn Phúc | Thành viên | 49,573 | 0.32% |
| 4 | Phan Quốc Hiếu | Thành viên | 200,000 | 1.29% |
| 5 | Kiều Nghị | Thành viên | 20,610 | 0.13% |
| | Tổng cộng | | 4,391,945 | 28.41% |

c, Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị và hoạt động của Ban

Thư ký thuộc Hội đồng quản trị gồm có 01 thành viên, Tham gia vào các buổi họp hội đồng quản trị, có nhiệm vụ ghi chép, soạn thảo Biên bản cuộc họp và Nghị quyết hội đồng quản trị.

d, Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2018, Hội đồng quản trị họp đã tổ chức 16 cuộc họp thường kỳ hàng quý để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham gia dự họp của Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc. Các quyết định của HĐQT đều thực hiện đúng nguyên tắc biểu quyết theo đa số.

- Ban hành 16 nghị quyết, 16 quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT về các vấn đề sau:

+ Soạn thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế Tổng công ty;

+ Xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 và quý 1/2019;

+ Báo cáo kết quả các mặt sản xuất kinh doanh – đời sống xã hội (SXKD-ĐSXH) của Tổng công ty tháng 7 và kế hoạch SXKD tháng 8/2018;

+ Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ Quý 4/2018 của Tổng công ty;

+ Thuê Tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là cửa hàng xăng dầu An Cựu của Tổng công ty tại số 187 đường Hùng Vương, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bổ nhiệm trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ của Tổng công ty gồm: Trưởng phòng KHDA, Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng KTTN, Trưởng phòng TCHC;

+ Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong quý 1/2019;

+ Chọn Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Vinh - Vinhland là đối tác hợp tác đầu tư tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 22, P Đông Vinh, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích 7.199,9m², thửa đất do Công ty Cổ phần Công trình 791 đứng tên quyền sử dụng đất;

+ Thống nhất việc bán Khách sạn Quang Phú tại số 379 đường Trương Pháp, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình

- Chỉ đạo việc công bố thông tin đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện quản trị Công ty đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định HĐQT.

- Phối hợp với Ban KS và Tổng giám đốc quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

e, Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị Tổng công ty không có thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị

f, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị trong năm 2017 (không có)

2. Ban kiểm soát

a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

* Thành viên:

Giai đoạn từ 01/01/2018 đến 02/06/2018

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trưởng ban kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Bình – Thành viên ban kiểm soát (Trưởng phòng Tổ chức lao động)

Bà Võ Thị Kim Dung – Thành viên ban kiểm soát (Phó phòng Dự án RCC)

Giai đoạn từ 02/06/2018 đến 31/12/2018

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trưởng ban kiểm soát

Bà Võ Thị Kim Dung – Thành viên ban kiểm soát

* Cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Ban kiểm soát | Chức danh | Cá nhân | Tỷ lệ |
|----|------------------------|------------|------------|-------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | Trưởng Ban | 309 | |
| 2 | Võ Thị Kim Dung | Thành viên | 63 | |
| | Tổng cộng | | 372 | |

b, Hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban, các hội nghị của Tổng công ty để nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành của Tổng công ty.

- Tham gia công tác kiểm tra người đại diện chính về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đời sống xã hội tại các công ty 791, 792, 796, 798, 875 và 878.

- Công tác soát xét và thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm.

- Giám sát việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Kiểm soát việc tuân thủ về các quy định công bố thông tin của Công ty.
- Thực hiện các công việc khác được quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và các quy chế liên quan.

c, Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức bốn (04) phiên họp:

- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông năm 2018.
- Tổng kết công tác hoạt động của Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm và thông qua kế hoạch hoạt động trong thời gian tiếp theo. Đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm và thông qua việc thẩm định báo cáo tài chính bán niên 2018.
- Thông qua đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Đức Bình thành viên Ban kiểm soát; Đánh giá tổng kết hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát

a, Lương, thù lao và các khoản lợi ích chi trong năm 2018

- Chia thù lao Hội đồng quản trị năm 2017: không có (Lợi nhuận sau thuế: Lỗ)
- Tiền lương của ban Tổng giám đốc và Trưởng phòng Tài chính kế toán

| STT | Tên cổ đông | Chức danh | Số cổ phần sở hữu | Tiền lương BQ được hưởng (đồng/người/tháng) |
|-----|------------------|-------------------|-------------------|---|
| 1 | Võ Văn Phúc | Tổng giám đốc | 49.573 | 22.565.000 |
| 2 | Phạm Duy Tuyên | Phó Tổng giám đốc | 9.849 | 14.873.000 |
| 3 | Nguyễn Công Bình | Phó Tổng giám đốc | | 10.041.000 |
| 4 | Kiều Nghị | Phó Tổng giám đốc | 20.061 | 13.034.000 |
| 5 | Lê Đình Sơn | Trưởng phòng TCKT | 60 | 11.634.000 |

b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

d, Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Việc Quản trị công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Địa chỉ: Tầng 9, Toà nhà HL 82 đường Duy Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (8424) 3.755 7446 Fax: (8424) 3. 755 7448
- Website: uhy.vn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12/04/2019, từ trang 06 đến trang 42 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình đường sắt tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán của công ty được đăng tải trên Website của Công ty theo địa chỉ: congrinhduongsat.vn.

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- UBCKNN (báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (báo cáo);
- Website Tổng công ty;
- Lưu VP, TCKT.



Võ Văn Phúc

11